

# MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA TÍN NGƯỠNG NỮ THẦN Ở SA ĐÉC, ĐỒNG THÁP

Dương Thanh Tùng<sup>1</sup>

## FEATURES OF GODDESS WORSHIP IN SA DEC, DONG THAP PROVINCE

Duong Thanh Tung<sup>1</sup>

**Tóm tắt** – Bài viết trình bày về tín ngưỡng nữ thần ở thành phố Sa Đéc, thuộc tỉnh Đồng Tháp được thể hiện qua bốn dạng thức thờ phổ biến gồm: bà Chúa Xứ, bà Thiên Hậu, bà Ngũ Hành và bà Cố Hy. Bên cạnh những đặc điểm chung được chia sẻ rộng rãi giữa các nữ thần thờ phụng trên toàn quốc, tín ngưỡng nữ thần ở Sa Đéc đã thể hiện mạnh mẽ qua hai đặc điểm nổi bật: tính dung hợp đa văn hóa và tính khoan dung. Vì vậy, công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa của loại hình tín ngưỡng này trong bối cảnh hội nhập hiện nay là một việc làm cần thiết và ý nghĩa cho cả nhà nước và cộng đồng.

**Từ khóa:** tín ngưỡng, Nữ thần, Sa Đéc, dung hợp, khoan dung.

**Abstract** – The paper presents the goddess worship in Sa Dec city, Dong Thap province, which is presented in four main goddess cults: The Lady of the Realm, Thien Hau Goddess, the Five Elements deities and Co Hy Goddess. Beside the common characteristics shared widely among goddess worship nationwide, the goddess beliefs in Sa Dec have strongly expressed two outstanding characteristics: hybridity and tolerance. Therefore, the preservation and promotion of the values of goddess beliefs in the context of global integration are currently becoming necessary and meaningful tasks for both governmental agents

<sup>1</sup>Khoa Văn hóa - Du lịch, Trường Đại học Đồng Tháp  
Ngày nhận bài: 25/5/2018; Ngày nhận kết quả bình duyệt: 5/7/2018; Ngày chấp nhận đăng: 21/7/2018  
Email: duongtung.dthu@gmail.com

<sup>1</sup>Faculty of Culture - Tourism, Dong Thap University  
Received date: 25<sup>th</sup> May 2018; Revised date: 5<sup>th</sup> July 2018; Accepted date: 21<sup>st</sup> July 2018

and public communities.

**Keywords:** beliefs, Goddess worship, Sa Dec, hybridity, tolerance.

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vùng văn hóa Nam Bộ với điều kiện tự nhiên trù phú là đồng bằng nhiều phù sa, kênh rạch đan xen, đồi núi thấp tạo điều kiện tốt cho canh tác nông nghiệp lúa nước và nuôi trồng thủy sản phát triển. Trong quá trình di cư và khai hoang vùng đất Nam Bộ còn nhiều hoang sơ đến nỗi “con chim kêu cũng sợ, con cá vùng cũng kinh” (Ca dao Nam Bộ), trong một môi trường sinh sống nhiều bất trắc và khó khăn, đời sống tâm linh của người dân luôn ước vọng được che chở, cầu mong vạn vật sinh sôi nảy nở. Các loại hình tín ngưỡng ở Nam Bộ đã tồn tại không phân biệt ranh giới rõ ràng mà thường dung hòa với nhau, phù hợp với nền tảng truyền thống văn hóa và các giá trị nhân văn của cộng đồng, tạo nên một bức tranh văn hóa đa sắc màu. Ở đó, một số loại hình tín ngưỡng sẽ bị “khúc xạ”, “dân gian hóa” hoặc là “Việt hóa” để thích ứng với đời sống tâm linh của cộng đồng là hiện tượng dễ dàng tìm thấy trong các loại hình tín ngưỡng ở Nam Bộ, trong đó có tín ngưỡng nữ thần.

Còn tại Sa Đéc, một vùng đất có đặc thù lối sống cư dân mang tính mở thoáng, chan hòa, sự hội nhập cộng cư giữa các tộc người khá mạnh mẽ, tục thờ cúng các Bà (theo cách gọi dân gian) ở nơi đây là sản phẩm của quá trình dung hợp đa văn hóa hết sức phong phú và có những nét giá trị đặc sắc riêng, trong khi việc tìm hiểu nguồn gốc hình thành và nhận diện giá trị tín ngưỡng nữ thần trong đời sống tâm linh của người dân vẫn còn mờ nhạt và chưa đầy đủ. Để hiểu và

tận dụng lợi thế của tính đa dạng trong văn hóa Việt Nam, đặc biệt là văn hóa dân gian, việc tìm hiểu tín ngưỡng nữ thần ở Nam Bộ nói chung, ở Sa Đéc nói riêng, cần được quan tâm khảo cứu sâu hơn. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung giới thiệu diện mạo, đặc trưng, tác động và ý nghĩa của tín ngưỡng nữ thần ở vùng Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Bài viết được thực hiện bằng cách kết hợp các phương pháp điền dã, quan sát tham dự, phương pháp phỏng vấn thuận tiện cá nhân người dân đến vĩa tại không gian thờ nữ thần và phỏng vấn sâu đối với đại diện ban quản lý các nơi thờ tự để biết được vai trò của văn hóa tín ngưỡng nữ thần, nhận thức của người dân và chính quyền về việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tín ngưỡng nữ thần tại địa phương. Cùng với thủ pháp phân tích - tổng hợp, tác giả phân tích các tư liệu khoa học về văn hóa tín ngưỡng, tín ngưỡng nữ thần và mẫu thần, lễ hội dân gian và các tư liệu liên quan để hệ thống hóa, hình thành ý tưởng nghiên cứu trên cơ sở phát hiện những vấn đề chưa được khai thác trong các tư liệu thu thập được. Bên cạnh đó, để có cách nhìn toàn diện và thấu đáo hơn đối với vấn đề nghiên cứu trong bài viết này, chúng tôi đã vận dụng *thuyết chức năng* của Bronislaw Malinowski (1884 - 1942) để giải quyết vấn đề về sự hình thành văn hóa tín ngưỡng, cụ thể là tín ngưỡng nữ thần ở Sa Đéc ra đời vừa đáp ứng nhu cầu tâm linh của mỗi người dân vừa đáp ứng nhu cầu cho cả cộng đồng.

## II. TÍN NGƯỠNG VÀ VĂN HÓA TÍN NGƯỠNG NỮ THẦN - MẪU THẦN

Theo nghĩa từ nguyên Hán - Việt, “tín ngưỡng” (信仰) được ghép bởi từ “tín” (信) hiểu là “tín tưởng/ tin theo”, “lòng tin/ đức tin”, “niềm tin” hoặc hiểu theo nghĩa sâu xa hơn nữa là sự trông cậy vào một đối tượng nhất định nào đó, có thể là con người hoặc thần linh, và từ “ngưỡng” (仰) hiểu là “ngưỡng mộ/ngưỡng vọng”, “ngưỡng lên/ngẩng lên” hoặc cũng được hiểu theo nghĩa xa hơn là “sự kính mến”. Tác giả Ngô Đức Thịnh đưa ra quan điểm rõ ràng hơn:

“Tín ngưỡng được hiểu là niềm tin của con người vào cái gì đó thiêng liêng, cao cả, siêu nhiên hay nói gọn lại là niềm tin, ngưỡng vọng vào “cái thiêng”, đối lập với “cái trần tục” hiện

hữu mà ta có thể sờ mó, quan sát được. Có nhiều loại niềm tin, nhưng ở đây là niềm tin của tín ngưỡng, niềm tin của “cái thiêng”. Do vậy, niềm tin của cái thiêng thuộc về bản chất của con người, là nhân tố cơ bản tạo nên đời sống tâm linh của con người” [1, tr.16]

Trong công trình *Ma thuật, khoa học và tôn giáo*, Bronislaw Malinowski (1884 - 1942) cho rằng tín ngưỡng ra đời khi cuộc sống của con người có nhiều sự trở ngại và bất trắc. Cụ thể hơn, ông đưa ra một thí dụ thú vị về sự tồn tại của ma thuật (tín ngưỡng) ở nghề đánh cá của ngư dân đảo Trobriand:

“Vấn đề quan trọng nhất là ở chỗ đối với việc đánh bắt cá ở phá, khi con người hoàn toàn dựa vào kiến thức và kĩ năng của mình, ma thuật không tồn tại, trong khi đối với việc đánh bắt cá ngoài khơi, đầy nguy hiểm và bất trắc, người ta sử dụng hệ thống nghi lễ ma thuật với phạm vi rộng lớn để đảm bảo an toàn và kết quả cao” [2].

Theo nghĩa thuật ngữ chung về *tín ngưỡng* và trong phạm vi nghiên cứu của bài viết này, chúng tôi nhận định rằng: “Tín ngưỡng là hệ thống niềm tin mang đặc trưng tâm linh do con người tạo ra nhằm gửi gắm những nguyện vọng, mong ước đến một đối tượng được thần thánh hóa hay thể lực siêu nhiên để được che chở, cứu rỗi tránh khỏi những bất trắc, tai họa hay những nỗi sợ hãi về tinh thần trong hiện thực khách quan nhằm mục đích hướng con người đến những giá trị đạo đức tốt đẹp”. Về văn hóa tín ngưỡng, theo Nguyễn Đăng Duy [3]:

“Tín ngưỡng đồng nghĩa với tâm linh (niềm tin thiêng liêng) thì văn hóa tín ngưỡng có thể được hiểu là văn hóa biểu hiện những giá trị thiêng liêng trong cuộc sống đời thường và biểu hiện niềm tin thiêng liêng trong cuộc sống tín ngưỡng tôn giáo” [tr.29].

Tác giả Ngô Đức Thịnh [4] cho rằng:

“Văn hóa tín ngưỡng là toàn bộ hiện tượng và giá trị văn hóa được sản sinh, tích hợp, bảo lưu trong môi trường tôn giáo tín ngưỡng, thỏa mãn nhu cầu về nhận thức, lối sống, ứng xử và thẩm mỹ của con người. Chúng là hiện tượng phái sinh gắn bó với tôn giáo và lễ hội. Đó là những hiện tượng văn hóa như múa nghi lễ, múa thiêng, tranh thờ, lễ hội, một số hiện tượng văn học dân

gian gắn với tín ngưỡng" [tr.215].

Như vậy, văn hóa tín ngưỡng chính là sự gắn kết từ một đức tin nhất định, rồi tích hợp các giá trị văn hóa khác như: di tích, lễ hội, truyền thuyết dân gian, diễn xướng, nghệ thuật có liên quan. Từ góc độ tiếp cận những giá trị văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể thông qua cơ sở thờ tự, nghi thức thờ cúng, các giai thoại dân gian, địa danh và lễ hội có liên quan đến các hình thái tín ngưỡng sùng bái con người; tín ngưỡng phồn thực; tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt... , *văn hóa tín ngưỡng* hiểu theo tác giả Nguyễn Ngọc Thơ [5]:

"Là hệ thống giá trị về cung cách ứng xử của con người đối với môi trường sống (tự nhiên và xã hội) nhằm đạt được những ước vọng tốt lành cho cuộc sống của mình. Sản phẩm của những cung cách ứng xử ấy vừa phản ánh các điều kiện tương ứng với môi trường sống vừa hàm chứa tri thức dân gian được đúc kết qua lịch sử được thể hiện dưới một cấu trúc đa tầng của những ý nghĩa ẩn thị và hiển thị" [tr.21].

Theo quan niệm dân gian, nữ thần là những lực lượng sáng tạo ra vũ trụ, sáng tạo ra loài người hoặc là những vị nữ tướng hi sinh vì dân vì nước, những người nữ có công giúp dân khai mương, xây cầu, lập chợ, truyền dạy kinh nghiệm sản xuất, những người bà, người mẹ, người chị có tài năng hoặc đức cao vọng trọng. Từ đó, người dân đã sáng tạo ra những điều kì vĩ nhằm nâng các vị nữ lên thế giới tâm linh như một giao thức thần thánh hóa tôn vinh lên hàng nữ thần. Do vậy, *nữ thần* là những nhân vật lịch sử hay nhân vật truyền tích/huyền thoại hoặc vạn vật được người dân nhân cách hóa mang tính nữ và thần thánh hóa để thờ phụng với đức tin, ngưỡng vọng của mỗi người hoặc của cộng đồng. Trong đó, có vị được tôn vinh là mẫu thần - thánh mẫu. Như vậy, "mẫu thần có xuất thân từ nữ thần nhưng không phải nữ thần nào cũng đều là mẫu" [6, tr.93-94]. Theo cách hiểu của chúng tôi, mẫu có nghĩa là đấng sinh thành ra mỗi người, có công ơn nuôi dưỡng, chở che và theo khía cạnh tín ngưỡng phồn thực thì "mẫu" để chỉ sự sinh sôi nảy nở, sinh hóa không ngừng của vạn vật, ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống con người. Vì vậy, *mẫu thần* là sự tin tưởng, ngưỡng mộ, tôn vinh và thờ phụng những vị nữ gắn liền với các hiện

tượng tự nhiên, vũ trụ, được con người cho rằng có quyền năng như Mẹ làm sinh sôi nảy nở, che chở, phù hộ cho người yên vật thịnh, mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi, giúp con người thoát khỏi thiên tai, dịch họa. Cùng với đó, ta có thể hiểu rằng *tín ngưỡng nữ thần* là một bộ phận của ý thức xã hội, được hình thành từ chế độ thị tộc mẫu hệ, để tôn vinh những người phụ nữ có công với nước, với cộng đồng, là đại diện tiêu biểu cho những giá trị tốt đẹp về lịch sử, văn hóa, đạo đức xã hội và được tôn thờ lên hàng thần - thánh để người ta gửi gắm niềm tin vào sự che chở, giúp đỡ, phù hộ, độ trì của các lực lượng siêu nhiên này.

Hiện nay, việc nghiên cứu về tín ngưỡng nói chung, tín ngưỡng nữ thần nói riêng đã được khá nhiều nhà nghiên cứu văn hóa đề cập đến, có thể điểm ra đây một vài công trình có nét tương đồng với đề tài nghiên cứu của bài viết này. Các công trình nghiên cứu của tác giả Ngô Đức Thịnh về *Đạo thờ Mẫu ở Việt Nam* xuất bản năm 2012; *Đạo Mẫu Tam Phủ, Tứ Phủ* xuất bản năm 2014; *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam* xuất bản vào năm 2012, đều có đề cập đến cơ sở lí luận về tín ngưỡng mẫu thần và văn hóa Đạo Mẫu, quá trình phát triển từ nữ thần đến tam tòa thánh mẫu và vị trí của Đạo Mẫu trong hệ thống tín ngưỡng của người Việt, cùng với các dạng thức thờ nữ thần, mẫu thần và mẫu tam phủ, tứ phủ ở ba miền Bắc - Trung - Nam của Việt Nam [7], [8]. Còn trong công trình nghiên cứu của Nguyễn Minh San, quyển *Lễ hội về nữ thần của người Việt* xuất bản năm 2011 đã cho thấy nguồn gốc, đặc điểm và miêu tả khái lược về một số lễ hội nữ thần của người Việt và đây đều là những nội dung cần tham khảo [9]. Nhà văn Sơn Nam, một trong những nhà nghiên cứu đi đầu và có công khai phá các giá trị lịch sử - văn hóa ở vùng đất Nam Bộ, đã cho ra đời quyển *Đình miếu và Lễ hội dân gian miền Nam*, cho thấy cách tiếp cận vấn đề thiết thực bằng phương pháp điền dã, tham dự và phỏng vấn với người dân địa phương, cung cấp cho thế hệ đi sau một cái nhìn đặc sắc về đình, miếu và lễ hội ở miền Nam, các lễ nghi, tín ngưỡng của người dân địa phương cùng với việc phân tích các nghi thức của tín ngưỡng [10].

Trong cuốn *Tín ngưỡng Thiên Hậu vùng Tây Nam Bộ* năm 2017, Nguyễn Ngọc Thơ đã có

những phân tích, đánh giá chi tiết về lai lịch, hành trạng của bà Thiên Hậu, đồng thời, tác giả cũng nhận diện đầy đủ những đặc trưng và giá trị của tín ngưỡng Thiên Hậu trong sự tương quan với bối cảnh lịch sử - xã hội và tộc người ở vùng văn hóa Tây Nam Bộ. Những kết quả nghiên cứu về tín ngưỡng Thiên Hậu vùng Tây Nam Bộ của Nguyễn Ngọc Thơ là nguồn tài liệu tham khảo có giá trị quan trọng cho việc khảo sát, nghiên cứu tục thờ Thiên Hậu tại Thất Phủ Thiên Hậu Cung ở Sa Đéc và mối tương quan với các địa phương khác như Tiền Giang, Vĩnh Long, An Giang, Cần Thơ, Sóc Trăng v.v.. Từ đó, tác giả có thêm cơ sở để nhận diện những đặc trưng và giá trị của loại hình tín ngưỡng Thiên Hậu tại vùng đất Sa Đéc.

Để bổ sung cơ sở nhận diện về đặc trưng và giá trị của tín ngưỡng nữ thần ở Sa Đéc, tác giả cũng đã tham khảo các công trình, bài viết khác. Tác giả Phan An viết về “Tích hợp và dung hợp trong tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt Nam Bộ”, in trong *Tín ngưỡng thờ mẫu ở Nam Bộ - Bản sắc và giá trị* [11]; Cuốn *Tìm hiểu văn hóa tâm linh Nam Bộ* của Nguyễn Hữu Hiếu [12]; bài viết “Tín ngưỡng thờ nữ thần ở Bà Rịa - Vũng Tàu” của Nguyễn Thanh Lợi, in trên *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển* [13, tr.34-42]; Phan Thị Yến Tuyết viết về “Tín ngưỡng thờ mẫu và nữ thần từ chiều kích văn hóa biển của vùng biển đảo Kiên Hải, Kiên Giang”, in trong *Tuyển tập Việt Nam học* và đăng trên *Tạp chí Khoa học Xã hội* [14, tr.61-69]; và các bài viết của Nguyễn Ngọc Thơ mà tác giả đã tham khảo như: “Tín ngưỡng tôn giáo ở Thoại Sơn, An Giang” in trên *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ* [15, tr.77-97]; “Dấu tích tục thờ Tam Phủ trong tín ngưỡng Thiên Hậu của người Việt vùng Tây Nam Bộ” in trên *Tạp chí Văn hóa Dân gian* [16, tr.24-34] cùng với một số bài viết khác có liên quan. Qua các bài viết nói trên, tác giả đã có được cái nhìn tổng quan và đối sánh về đối tượng nghiên cứu (tín ngưỡng nữ thần) ở một địa phương cụ thể (Sa Đéc) so với phạm vi nghiên cứu mở rộng liên vùng (tại các địa phương khác trong vùng Tây Nam Bộ).

Bên cạnh đó, để đi sâu vào văn hóa vùng Sa Đéc, tác giả đã tham khảo các công trình nghiên cứu liên ngành về lịch sử - văn hóa, tộc người, địa lí như: *Hồ sơ Lục Châu học* của tác

giả Nguyễn Văn Trung [17]; Bản *Monographie de la province de Sa-Dec* (chuyên khảo tỉnh Sa Đéc) của Imprimerie L. Menard [18]; *Description historique de la Cochinchine* (miêu tả lịch sử xứ Nam Kỳ) của Jean Koffler [19]; *Văn hóa, tín ngưỡng và thực hành tôn giáo người Việt* của Léopold Cadière [20]; *La Cochinchine religieuse* (tôn giáo xứ Nam Kỳ) của L. Louvet [21] v.v.. Các tác phẩm trong nước chuyên khảo tả và phân tích đánh giá lịch sử văn hóa và tộc người Nam Bộ mà bài nghiên cứu cũng có tham khảo đến như *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức [22]; *Thần Người và đất Việt* của Tạ Chí Đại Trường [23]; *Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ* của Huỳnh Lứa [24]; *Lịch sử khẩn hoang miền Nam* của Sơn Nam [25]; *Văn minh miệt vườn* của Sơn Nam [26]; *Văn hóa và cư dân Đồng bằng sông Cửu Long* của nhóm tác giả Nguyễn Công Bình và cộng sự [27]; *Văn hóa dân gian người Việt ở Nam Bộ* của nhóm tác giả Thạch Phương và cộng sự [28]; *Sa Đéc Xưa và Nay* của Huỳnh Minh [29]; *Đồng Tháp 300 năm* của nhóm tác giả Nguyễn Hữu Hiếu và cộng sự [30]; *Địa chí tỉnh Đồng Tháp* do Ban Tuyên giáo tỉnh ủy Đồng Tháp xuất bản năm 2014 [31]; *Lịch sử hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ (từ khởi thủy đến năm 1945)* của Trần Đức Cường (chủ biên) [32], cùng các bài viết của tác giả Nguyễn Hữu Hiếu in trên *Tạp chí Đồng Tháp Xưa và Nay*. Bài viết kế thừa những kết quả đạt được về mặt khoa học và thực tiễn của các công trình nghiên cứu về văn hóa tín ngưỡng và tín ngưỡng nữ thần - mẫu thần ở Nam Bộ và Bắc - Trung Bộ. Tuy nhiên, các công trình đi trước hoặc nghiên cứu về tín ngưỡng nữ thần ở phạm vi khu vực (Tây Nam Bộ, Nam Bộ) hoặc ít nhiều đề cập trên bình diện rộng, khái quát, bao hàm các yếu tố lịch sử, ngôn ngữ, tự nhiên, dân cư v.v. ở nhiều địa phương khác nhau, hoàn toàn chưa tập trung đề cập đến tín ngưỡng nữ thần hoặc mẫu thần ở một địa phương cụ thể của tỉnh Đồng Tháp. Trong bài viết này, tác giả sẽ tập trung từ việc mô tả diện mạo đến nhận diện đặc trưng và giá trị của tín ngưỡng nữ thần ở địa phương cụ thể là thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

### III. ĐẶC ĐIỂM VỀ ĐỐI TƯỢNG VÀ CƠ SỞ TÍN NGƯỠNG NỮ THẦN Ở SA ĐÉC

Xét về *đặc điểm đối tượng*, tác giả căn cứ vào sách *Địa chí tỉnh Đồng Tháp*, đồng thời dựa trên kết quả các chuyến điền dã khảo sát thực tế của bản thân từ năm 2015 – 2018. Toàn địa bàn thành phố Sa Đéc hiện nay có tổng cộng 48 cơ sở tín ngưỡng với các đối tượng nữ thần được người dân thờ cúng phổ biến là: Bà Chúa Xứ, Bà Ngũ Hành, Bà Thiên Hậu, Bà Cố Hỷ và một số nữ thần khác như: Diêu Trì Kim Mẫu, Quan Âm Bồ tát, Kim Hoa Nương Nương, bà Tổ Cô, Cửu Thiên Huyền Nữ,... cũng được thờ ở một số ngôi miếu tại các xã, phường.

*Đầu tiên là tục thờ bà Chúa Xứ.* “Lai lịch nhân thân” của bà Chúa Xứ (主處) là hiện thân tiêu biểu của quá trình giao thoa, tiếp biến văn hóa giữa các tộc người trên vùng đất Sa Đéc nói riêng và Nam Bộ nói chung. Bà Chúa Xứ, gốc là nữ thần Pô Inư Nagar - bà Mẹ xứ sở của người Chăm, qua quá trình Việt hóa lâu dài mới hình thành. Từ thế kỉ XI, tín ngưỡng này đã theo chân lưu dân người Chăm du nhập vào Đồng bằng sông Hồng, nhưng không bén rễ sang người Việt, vì thế lực của Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo thời kì này đang tác động mạnh mẽ vào đời sống người dân nơi đây.

Với truyền thống thờ Bà, thờ Mẹ, người Việt đã tiếp nhận và Việt hóa vị nữ thần Chăm này bằng cái tên mới - Thiên Y A Na Diển Ngọc Thánh phi, mà dân gian gọi ngắn gọn là bà Chúa Ngọc hay cô Hồng. Dân gian còn có một truyền thuyết khác, đã được Phan Thanh Giản khắc thuật vào năm 1856, và được triều đình nhà Nguyễn đưa vào hệ thống thần linh của đất nước, với danh xưng “Hồng nhân Phổ tế Linh ứng Thượng đẳng thần”. Hồng nhân ở đây là liên quan đến bà mặc áo đỏ ngồi trên đỉnh gò, hiện ra trong giấc chiêm bao nói rằng sẽ có vị chân chúa đến đây xây chùa để tụ khí thiêng, tạo bền cho long mạch, mà dân làng kể cho Nguyễn Hoàng vào năm 1601, khi ông tìm nơi xây chùa làm nơi nương tựa cho quyền lực. Vì thế, chùa dựng xong được đặt tên là Thiên Mục, danh xưng này có lẽ do “Yang” (trong tổ hợp Pô Yang Inư Nagar) là Giàng = Trời = Thiên; Ino là Mẹ = Mục. Còn Thiên Y A Na, có giải thích cho rằng: bắt nguồn từ chữ Phạn “Devayana”, trong đó tổ hợp Deva

là Trời = Thiên, ghép với phần còn lại là Yana thành Thiên Y A Na [33, tr.28-31].

Theo quan niệm dân gian người Chăm, Pô Nagar là bà Chúa tạo ra vương quốc, là một nữ thần được thờ dưới dạng thần Ūma (tức nữ thần Shakti, vợ của thần Shiva, nữ thần Ūma là nữ thần Bảo Tồn của đạo Bà-la-môn). Nữ thần Ūma được dân tộc Chăm tiếp biến thành Pô Inư Nagar, lại được người Việt biến thành chúa Ngung Man Nương - chủ Ngung Man Nương là nữ thần cai quản một góc trời, một vùng đất; có khi bị nói trại thành Chủ Ma Vương. Văn tự “Mãi thổ/Tá thổ” trong tục cúng đất đầu năm ở vùng Nam Trung Bộ thường đề cập đến bà chúa này. Loại hình tín ngưỡng này vào phía Nam cho đến Bình Thuận thì miếu thờ bà xuất hiện ngày càng nhiều hơn, mang các tên khác nhau như: Bà Pô Pô (từ Pô = Đấng, Bà trong tổ hợp Pô Yang Inư Nagar); Bà Phường Chèo/Giàng Chèo (từ Giàng = Yang = Trời trong tổ hợp Pô Yang Inư Nagar); Bà Thu Bồn/Chợ Được (Quảng Nam); Bà Giàng Lồi/Cổ Giàng (thành phố Hội An); Bà Giàng Lồi/Chúa Lồi; bà Giàng Phi/Hồng Phi phu nhân; Bà Giàng Rân/Giàng Què (Đà Nẵng) [34, tr.41-42]. Vào đến vùng đất Nam Bộ, bắt gặp tục thờ nữ thần Néang Khmau (Bà Đen) - một nữ thần Đất - của người Khmer, bà Mẹ xứ sở của người Chăm đã hóa thành bà Pô, bà Giàng, và từng bước trở thành bà Chúa Xứ với tên gọi Chúa Xứ Nương Nương hoặc Chúa Xứ Thánh mẫu. Riêng Bà Chúa Xứ ở núi Bà Đen được triều đình nhà Nguyễn phong là Linh Sơn Thánh Mẫu. Lưu dân ở Nam Bộ có thói quen, khi khai khẩn được một khu vực, một vùng đất thì việc đầu tiên là dựng miếu thờ bà Chúa Xứ với ước mong được phù hộ, độ trì cũng đồng thời tạ ơn trong quá trình khẩn hoang được bình yên không gặp bất trắc, hiểm họa đến tính mạng. Trong *Địa bạ Nam Kỳ* năm 1836, điều này được thể hiện rõ thông qua ghi chép như “thôn này gồm hai xứ”, “thôn kia gồm ba xứ”. Chính vì thế, ngày nay, chúng ta không có gì phải ngạc nhiên khi thấy miếu bà Chúa Xứ nằm ở rải rác khắp nơi, xóm ấp nào cũng có miếu thờ. Bà Chúa Xứ trở thành vị nữ thần có phạm vi ảnh hưởng rộng khắp vùng sông nước Nam Bộ nói chung và tại vùng đất Sa Đéc có tổng số 14 cơ sở thờ bà Chúa Xứ.

*Thứ hai là tục thờ bà Thiên Hậu.* Cùng với tục thờ Quan Công, thờ Ông Bồn và thờ Đức Quảng Trạch Tôn Vương, tín ngưỡng Thiên Hậu là một dạng tín ngưỡng do cộng đồng người Hoa mang theo khi đến vùng đất Sa Đéc cư trú và làm ăn. Hiện nay, địa bàn thành phố Sa Đéc có hai cơ sở thờ bà Thiên Hậu, một là miếu Thiên Hậu của người Quảng Đông xây dựng, hai là miếu Thiên Hậu do người Phúc Kiến xây dựng với tên gọi đầy đủ là “Thất Phủ Thiên Hậu Cung”, người dân địa phương hay gọi là Thiên Hậu Cung, được xây dựng vào giữa thế kỷ XIX trên nền khu đất trước đó đã có miếu thờ bà Thiên Hậu.

Đúng như tên gọi Thất Phủ Thiên Hậu Cung, nơi đây có kiến trúc tích hợp cả năm tiểu loại phong cách người Hoa (Quảng Đông, Phúc Kiến, Triều Châu, Hải Nam và Khách Gia), chính điện có gờ nóc mái bằng và nhiều tượng thần thánh mang phong cách Quảng Đông, hai bên đông - tây lang thì mang kiểu dáng và phong cách Phúc Kiến, Triều Châu. Cấu trúc thờ tự cũng thể hiện sự tích hợp, hỗn dung, nếu như sự có mặt của Kim Hoa Nương Nương (phối thờ trong khám bên phải trang thờ Thiên Hậu) mang màu sắc Quảng Đông thì Thiên Hậu, Phúc Đức Chính Thần (phối thờ trong khám bên trái trang thờ Thiên Hậu) và Quan Công (phối thờ bên cánh đông sương/dông lang) là các hình tượng được chia sẻ bởi tất cả các nhóm người Hoa.

Theo Nguyễn Ngọc Thơ, tín ngưỡng Ma Tổ (hay Thiên Hậu) hình thành tại đảo Mi Châu, huyện Bồ Điền, tỉnh Phúc Kiến vào thời Tống ở Trung Quốc. Bà tên thật là Lâm Mặc Nương (林默娘 Lin Moniang), sinh ngày 23 tháng 3 năm 960, là một nữ Shaman nổi tiếng. Bà vốn là người Đản Dân (Tangka), còn gọi là Long nhân (龙人 người rồng) hoặc Giao nhân (蛟人) chuyên sống bằng nghề đánh bắt cá và trao đổi hàng hóa trên sông, biển. Thư tịch *Trung Quốc Đại Thanh hội điển sự lệ*, *Bồ Tát ngoại truyện* và các sách địa phương có ghi chép và tương truyền bà Lâm Mặc Nương rất thông minh, tháo vát, giúp dân vượt hoạn nạn và dạy dân cách sống văn minh, thoát bệnh tật. Một ngày nọ, khi đang ngủ trưa, bà thấy cha và anh trai gặp bão biển, nên dùng năng lực đặc biệt cứu được anh trai. Trong khi đang cố gắng cứu cha thì bà bị mẹ lay dậy nên không cứu được cha. Về sau, bà thường dùng

năng lực thần thánh của mình để cứu giúp dân, bao gồm dạy dân dùng rau rong biển cứu đói, cầu mưa, treo chiếu làm buồm, hàng phục hai thần Thuận Phong Nhĩ và Lí Thiên Nhân, giải trừ thủy tai - quái phong, thu phục nhĩ quái, chữa bệnh cứu dân, nhận bùa dưới giếng, thăng thiên ở đảo Mi Châu. Bà qua đời vào ngày 9 tháng 9 năm 987 ở tuổi 28. Người đời tin rằng bà là con gái Ngọc Hoàng, ban đầu dân ở đảo Mi Châu dựng miếu thờ bà, gọi là miếu Ma Tổ. Tương truyền bà thường hiển linh cứu giúp người đi biển nên dân gian ví bà như vị hải thần. Đến năm 1086, nhà Nam Tống chính thức cổ xúy cho tín ngưỡng này, nhờ vậy phạm vi ảnh hưởng ngày càng được mở rộng. Đến thời Nguyên, năm 1354, Ma Tổ được phong làm *Thiên phi* (天妃), từ đó tín ngưỡng Ma Tổ phát triển lên vùng hạ lưu Dương Tử, bán đảo Sơn Đông. Từ thời Minh trở về sau, do nhu cầu giao thương hàng hải với khu vực Đông Nam Á, tín ngưỡng này truyền bá xuống vùng Lĩnh Nam, Đài Loan và khu vực Đông Nam Á. Đời Thanh Khang Hy (1682), bà được gia phong với mỹ tự *Thiên Hậu Thánh Mẫu*. Tên gọi đặc khu hành chính của Macau được cho là bắt nguồn từ danh từ “Ma Các” (妈阁 miếu Ma Tổ). Cuốn *Ma Tổ Cung Tập Thành* (《妈祖宫集成》) ghi chép tại Trung Quốc có hơn 450 huyện, thị, thành phố có miếu Thiên Hậu. Người Mân Nam (nam Phúc Kiến) và Hải Nam thích gọi bà là *Đại Mẫu* hoặc *Ma Tổ* (妈祖 Mazu), người Quảng Đông gọi là *Đức Bà* hay *Thiên Hậu* [5, tr.51-52].

Tín ngưỡng Thiên Hậu du nhập vào Nam Bộ theo dòng di dân người Hoa vào thời Minh - Thanh, đặc biệt là cuối Minh - đầu Thanh. Đợt thứ nhất vào khoảng thập niên 1660, có khoảng 700 người Hoa do Dương Ngạn Địch và Trần Thượng Xuyên (người Quảng Đông) dẫn đầu vào định cư tại vùng Đồng Nai, Đề Ngạn (Chợ Lớn) và Mỹ Tho. Đợt thứ hai do Mạc Cửu dẫn đầu khai phá vùng đất Hà Tiên, sau phát triển dần xuống Cà Mau. Từ cuối thế kỷ XVII cho đến đầu thế kỷ XX, nhiều dòng di dân người Hoa tiếp tục đến vùng đất Nam Bộ, đặc biệt là vào cuối thế kỷ XIX, Việt Nam bị làm thuộc địa của Pháp, các hiệp ước Pháp - Thanh năm 1885 - 1886 đã mở ra nhiều cơ hội cho người Hoa di dân đến Việt Nam. Từ đó trở đi, tộc người Hoa đã chung sống chan hòa cùng với các tộc người Việt, Khmer,

Chăm, cùng tạo dựng nên văn hóa Nam Bộ nói chung và văn hóa vùng đất Sa Đéc nói riêng. Hiện tại, tín ngưỡng Thiên Hậu được người dân Sa Đéc thờ phụng ở hai cơ sở (gồm Thất Phủ Thiên Hậu Cung (chính thời), và miếu Chúa Xứ (phối thời) ở xã Tân Quy Tây) với niềm đức tin bà sẽ phò trợ cho những người đi sông nước, đồng thời cũng trở thành vị phúc thần, thần độ mạng cho gia đình, đặc biệt là nữ giới.

*Thứ ba là tục thờ Bà Ngũ Hành.* Tín ngưỡng Ngũ Hành (五行), Ngũ Hành Nương Nương (五行娘娘) hay Ngũ Hành Tiên Nương (五行仙娘) là dạng tín ngưỡng dân gian cổ xưa của người Hoa từ quan niệm dịch học cho rằng:

“Vũ trụ và mỗi bộ phận của nó được tạo ra từ hai nguyên lí cùng tồn tại vĩnh hằng, vô hạn, tuy khác nhau, nhưng không tách khỏi nhau như một nguyên lí chuẩn mực - lí, và một nguyên lí vật chất - khí. Nguyên lí thứ nhất, các giác quan không cảm thấy được; nguyên lí thứ hai thì mang một hình thức có thể cảm thấy; sự kết hợp của chúng tạo thành thái nhất (một lớn) mà người ta còn gọi là thái cực (đỉnh lớn), một thực thể vô hạn, hoạt động được bằng sự tồn tại của lí ở bên trong nó, và nhờ đó mà tự nó có thể tạo ra mọi vật. Thái cực trong khi tạo ra mọi vật, luôn phải đi qua hai giai đoạn: hết tĩnh thành động, hết động thành tĩnh. Tĩnh là âm, động là dương; sự luân phiên vĩnh hằng này của âm và dương lại tạo ra Ngũ hành - 五行 (金 Kim; 木 Mộc; 水 Thủy; 火 Hỏa; 土 Thổ) nối tiếp nhau thành một chu kì vô tận. Từ ngũ hành mà thành trời đất, từ trời đất mà sinh sôi vạn vật” [35, tr.138-139].

Có lẽ những khái niệm mang tính triết học cổ xưa vừa nêu, khi đến với thực tế trong tư duy dân gian thì chúng biến đổi để phù hợp và gần gũi, thân thiết hơn. Dân gian cụ thể hóa chúng thành những thế lực siêu hình, tác động trực tiếp và đem lại kết quả bình yên, no ấm của cuộc sống thường ngày và tất nhiên là trong các thế lực đó, thế lực nào càng thân thiết thì càng được tiếp nhận một cách tích cực hơn. Chúng ta có thể thấy, mọi hiện tượng thiên nhiên trong vũ trụ này đều gắn liền với cuộc sống đời thường của con người, đều có liên quan đến sự chuyển dịch của ngũ hành mà đặc biệt gần gũi với cư dân nông nghiệp trồng lúa nước là sự tương tác dưới góc độ vật chất xuất phát từ quan niệm âm - dương, khiến cho mọi đối tượng trong xã hội đều quy

về âm - dương và xem đó là thứ quyền lực tối thượng của năm vị nữ thần với nhiều tên gọi (Ngũ Hành Nương Nương, Cổ Nương Thần Nữ, Ngũ Hành Thượng Giới) đã ảnh hưởng gián tiếp đến phúc đức hoặc tai họa cho từng cá nhân lẫn cộng đồng. Hình thức tín ngưỡng Ngũ Hành là kết quả của quá trình giao lưu, hòa trộn giữa tín ngưỡng thờ các vị nhiên thần cổ xưa của người Việt với quan niệm về ngũ hành của người Hoa. Trước khi có sự tiếp nhận quan niệm ngũ hành, các vị nhiên thần này được thờ tương đối độc lập, theo từng vùng, thờ từng vị. Cùng với tâm thức coi trọng nữ tính của cư dân gốc nông nghiệp, các vị thần trở thành các nữ thần, các mẫu (đối với miền Bắc, miền Trung). Sau khi tiếp nhận quan niệm ngũ hành từ phương Bắc, các bà được tập hợp lại, hệ thống hóa để trở thành Ngũ Vị Thánh Nương hoặc Ngũ Hành Nương Nương.

Ngũ Hành Nương Nương ở Sa Đéc thường được thờ cúng trong những ngôi miếu nhỏ có tên gọi là “miếu Ngũ hành” với bài vị viết bằng chữ Việt hoặc chữ Hán - “Ngũ Hành Nương Nương” (五行娘娘). Về sau, các Bà được đưa vào cả trong đình, chùa với những ngôi miếu to đẹp hơn. Đồng thời, người dân cũng đúc tượng xi măng thay cho bài vị, tô màu cho tượng và khoác y phục cho các Bà với các màu khác nhau tương ứng với năm hành: Kim Đức Thánh phi (金德聖妃) - màu trắng, Mộc Đức Thánh phi (木德聖妃) - màu xanh, Thủy Đức Thánh phi (水德聖妃) - màu đen hoặc tím, Hỏa Đức Thánh phi (火德聖妃) - màu đỏ, Thổ Đức Thánh phi (土德聖妃) - màu vàng. Trên thực tế ở Sa Đéc, tuy phổ biến mô thức hợp nhất năm Bà trong một ngôi miếu hoặc năm Bà trong một hình tượng thông qua bài vị “Ngũ Hành Nương Nương” nhưng vẫn có nơi người dân thể hiện mỗi quan tâm hàng đầu đến từng Bà cụ thể. Đối với cư dân sống trên sông nước hoặc sống ven sông rạch thì thường gắn liền với Thủy Đức Thánh Phi - vị nữ thần cai quản thế giới huyền bí của nước, còn đối với những hộ gia đình sống ở những nơi đông đúc, khu vực mua bán ở chợ hoặc thường lao động những nơi dễ cháy, trong khu vực bếp nấu ăn thì thờ bà Hỏa với nguyện vọng được Bà phù hộ không để xảy ra hỏa hoạn. Qua quá trình khảo sát thực tế, chúng tôi thống kê địa bàn thành phố Sa Đéc hiện có 30 miếu thờ Ngũ Hành, trong đó,

đặc biệt có miếu Ngũ Hành ở ấp Phú Thuận (Tân Phú Đông, Sa Đéc) thờ sáu vị: ông Tà (Neak Ta), Thổ Thần, chúa Sơn Lâm, bà Nữ Oa, bà Chúa Ngọc, bà La Sát; miếu Ngũ Hành ở Phường 1, Phường Tân Quy Đông, Xã Tân Khánh Đông có diện tích tương đối rộng hơn so với các miếu thờ Ngũ Hành còn lại trong vùng. *Thứ tư là tục thờ bà Cố Hỷ*. Bà Cố Hỷ còn có tên gọi khác là bà Cố, bà Thượng Động Cố Hỷ. Đây có lẽ là một dạng tín ngưỡng bà Chúa Xứ biến thể, kết hợp với tục thờ Mẹ xứ sở của người Chăm và tín ngưỡng Thần đất - Neak Tà của người Khmer. Bà Cố Hỷ có nguồn gốc từ nữ thần Devi trong văn hóa Ấn Độ, kết hợp và chuyển hóa với nữ thần Mẹ xứ sở - Po Inư Nagar của người Chăm và Thánh Anh La Sát (hay La Sát Thượng Động) nên khu vực cư trú và quản lí của bà trải dài từ miền rừng núi xuống đến ven biển, ven sông. Ở vùng rừng núi, Bà được gọi là Thượng Động Cố Hỷ. Ở vùng biển, Bà được gọi là Hạ Động Thủy Long. Với tính chất vừa là hung thần vừa là phúc thần, đồng thời thể hiện đặc trưng cổ hũu của hình tượng Devi hay Shakti, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng bà Cố Hỷ là một dạng địa phương hóa trong quá trình tích hợp thờ cúng nữ thần Po Inư Nagar. Bà không chỉ là phúc thần của người buôn bán mà còn là người phù trợ cho ngư dân và người đi biển hay hoạt động trên vùng sông nước. Sa Đéc hiện có hai miếu thờ bà Cố Hỷ, trong miếu có bài vị ghi “Thất Vị Nương Nương”, lễ cúng trải dài từ tháng Giêng đến tháng Sáu, khi cúng thường có múa bóng rối.

Ngoài ra, Sa Đéc còn có sự hiện diện của một số nữ thần khác được thờ trong phạm vi nhà ở của mỗi hộ gia đình bằng những trang thờ/khánh thờ hoặc miếu thờ như: Quan Âm Bồ tát; bà Mụ; Mẹ sanh - Mẹ độ; Kim Hoa Nương Nương; Cửu Thiên Huyền Nữ; Diêu Trì Kim Mẫu, Tổ Cô.

Xét về không gian thờ tự, sau quá trình khảo sát thực địa tại vùng đất Sa Đéc với kết quả 48 cơ sở thờ, chúng tôi nhận thấy tục thờ bà Chúa Xứ, bà Ngũ Hành, bà Thiên Hậu và thờ Thổ thần, thờ Quan Công là những đối tượng được người dân thờ cúng phổ biến, hầu như ở làng xóm nào, gia đình nào cũng có cơ sở để thờ, đó có thể là những ngôi miếu nhỏ hoặc trang thờ/khánh thờ. Tuy nhiên, ở đây chúng tôi chỉ đề cập đến tín ngưỡng nữ thần nên yếu tố thờ Thổ Thần và thờ

Quan Công xin được phép chưa nhắc đến và sẽ trình bày trong các bài viết tiếp theo. Căn cứ vào kết quả thu thập được, dựa vào tầm ảnh hưởng, niềm tin của dân gian thể hiện qua các hoạt động hành hương, lập miếu thờ, nghi thức cúng tế, các đối tượng trên có thể phân ra các dạng cơ sở thờ nữ thần như sau:

- Trong khu vực nội thành Sa Đéc: tín ngưỡng Thiên Hậu với cung thờ to lớn theo lối kiến trúc truyền thống của tộc người Hoa, tên gọi là Thất Phủ Thiên Hậu Cung (府七天后宮) tọa lạc tại Khóm 1, Phường 1, Thành phố Sa Đéc.

- Trong phạm vi xóm ấp, với diện thờ nhỏ bé chỉ từ vài mét đến năm mười mét vuông, nhưng lại hiện diện khắp các ấp, xã ở nông thôn, phổ biến nhất là hai loại miếu thờ bà Chúa Xứ và bà Ngũ Hành. Tiếp đến là miếu thờ các vị Thất Thánh Nương Nương, Cửu Vị Tiên Nương... với đồ từ khí đơn giản, chỉ có chân đèn, bát nhang, li nước, lọ bông và bài vị viết chữ Hán hoặc chữ quốc ngữ Chúa Xứ Thánh Mẫu (主處聖母) hoặc Ngũ Hành Nương Nương (五行娘娘) hoặc có thêm tranh tượng (loại có bán sẵn ở chợ). Lễ cúng tế thường diễn ra vào mùa thu hoạch lúa cuối năm hoặc tháng 2, tháng 3 âm lịch trùng khớp với thời gian cúng Thượng Điền ở các đình làng, với tâm nguyện đền đáp ơn bà và cầu nguyện mong được phù hộ cho vụ mùa tới.

- Trong khuôn viên các đình chùa, hai nữ thần Chúa Xứ và Ngũ Hành với tư cách thần bảo hộ của cuộc đất nơi đình chùa tọa lạc. Còn trong chính tẩm, một số vị có hoặc không có sắc phong tùy theo từng địa phương được thờ với tư cách tòng tự hay phối tự, phổ biến là các vị Chúa Tiên, Chúa Ngọc, Chủ Ngung Man Nương, Tứ Vị Đại Càn Thánh Nương...

- Trong phạm vi từng hộ gia đình: Phật mẫu Diêu Trì, bà Nữ Oa, Cửu Thiên Huyền Nữ, Thánh Anh La Sát, Lục Cung Thánh Mẫu, Quan Âm Bồ tát, bà Tổ Cô, Mẹ Thai Sanh... tùy theo tuổi của người thờ, thường là phụ nữ đứng tuổi với tư cách thần độ mạng nữ giới. Không gian tín ngưỡng là một cái trang (khánh) thờ có bài vị hoặc tượng ảnh của nữ thần, bình hoa, bát nhang, ba chung nước. Người thờ thắp nhang cầu nguyện vào mỗi ngày, có thể là một lần hoặc hai lần, hàng năm có lễ cúng tạ trang, đối với gia chủ có gia cảnh khá giả đều có thuê hầu bóng đến trợ tế lễ.

Xuất phát từ tính cách phóng khoáng, chan



hòa, không cầu kì của người dân ở vùng Sa Đéc, quyền năng của các nữ thần trong tục thờ không phân biệt rõ ràng, mà đan xen, chồng chéo nhau, thường vị nào cũng cho là có chức năng bao quát là phù hộ độ trì cho chúng sanh, mưa thuận gió hòa, người yên vật thịnh, bảo vệ xóm ấp, sản vật sung mãn, độ mạng nữ giới v.v. bên cạnh quyền năng riêng thể hiện qua danh xưng. Từ thời khai hoang đến nay, hầu như miếu thờ đơn giản vẫn chỉ là miếu, vai trò, vị trí của các nữ thần ở miếu cũng không được nâng lên, không đưa vào đền, phủ để khang trang, thần bí hóa, hệ thống hóa. Trên thực tế, cũng có một số điện thờ nữ thần được nâng lên thành phủ, thành dinh hoặc cung như trường hợp Thất Phủ Thiên Hậu Cung, một số vị nữ thần được triều đình sắc phong là trung hoặc thượng đẳng thần, nhưng trong dân gian không có sự phân biệt “đẳng cấp” giữa các nữ thần. Tất cả đều được trân trọng gọi là “Bà”, dù là nữ thần hay mẫu thần, có khi tâm thức ở miếu lại to lớn hơn dinh, phủ. Lí do được tôn vinh thường là sự linh ứng của thần, thu hút nhiều khách thập phương đến chiêm bái, tin tưởng hơn là do thần được nâng bậc hay được xếp vào hệ thống cao hơn.



Hình 1: Thất Phủ Thiên Hậu Cung, Phường 1 - Thành phố Sa Đéc  
(Nguồn ảnh: Tác giả, 2018)

Thông qua đặc điểm về đối tượng cũng như vị trí và quy mô của các cơ sở tín ngưỡng nữ thần ở Sa Đéc, có thể thấy việc thờ bà Chúa Xứ, bà Ngũ Hành, bà Cố Hỷ gắn liền với nghề nông nghiệp vùng sông nước (sông Cửu Long), trong khi thờ bà Thiên Hậu gắn với nghề thương mại vùng đô thị. Trong tâm thức người dân, bà Chúa Xứ, bà Ngũ Hành, bà Cố Hỷ thiên về vai trò của



Hình 2: Miếu Bà Ngũ Hành, Phường Tân Quy Đông - Thành phố Sa Đéc  
(Nguồn ảnh: Tác giả, 2018)



Hình 3: Miếu Bà Chúa Xứ, Xã Tân Phú Đông - Thành phố Sa Đéc  
(Nguồn ảnh: Tác giả, 2018)

các thần đất, thần xứ sở, trong khi đó, bà Thiên Hậu mang nhiều đặc điểm của vị thần tài. Tuy nhiên, cả bốn nhóm nữ thần trên đây đều có đặc điểm chung là “phúc thần” đối với đời sống tinh thần của người dân ở địa phương.

#### IV. ĐẶC TRƯNG GIÁ TRỊ CỦA TÍN NGƯỠNG NỮ THẦN Ở SA ĐÉC

Qua quá trình tìm hiểu về tín ngưỡng nữ thần ở Sa Đéc hiện nay, có thể khái quát lại một vài đặc trưng giá trị của loại hình tín ngưỡng này như sau:

Một là, tính tích hợp đa văn hóa, là hệ quả của quá trình kết hợp, hấp thu lẫn nhau giữa một hoặc một vài thuộc tính hay bình diện của hai

hay nhiều đơn nguyên văn hóa dưới tác động của hoàn cảnh tự nhiên hoặc lịch sử xã hội. Trong quá trình giao thoa, tích hợp, một số thuộc tính văn hóa thẩm thấu, cộng gộp với các thuộc tính gần gũi của đối phương để chỉnh hợp thành một khối mới thường mang tính định hướng cao hơn. Trong văn hóa Á Đông, tính tích hợp văn hóa ngầm thể hiện ở cấp độ vi mô trong khi chỉnh hợp văn hóa được dùng để đề cập các hiện tượng tích hợp mang tính tổng thể. Quá trình tích hợp ấy bao giờ cũng có một bên là yếu tố “cơ tầng” (thường là văn hóa bản địa) và một bên là yếu tố “du nhập” vào được “sàng lọc”, cộng hợp và thẩm thấu vào yếu tố cơ tầng văn hóa bản địa. Mọi nền văn hóa của các quốc gia trên thế giới đều trải qua quá trình này, trong khi đó, bối cảnh của văn hóa vùng đất Sa Đéc, nơi có sự cộng cư của nhiều tộc người khác nhau, khi đứng ở góc nhìn của tộc người chủ thể là người Việt thì cơ tầng văn hóa Việt đã sàng lọc và tích hợp yếu tố du nhập tức là các dòng văn hóa của tộc người Hoa, Khmer; còn nếu đứng ở góc nhìn của tộc người Hoa thì yếu tố cơ tầng, tức là văn hóa tín ngưỡng dân gian vùng Hoa Nam (khu vực phía Nam của Trung Hoa) được du nhập vào vùng đất Sa Đéc và cả Nam Bộ, một mặt đã vận động, điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện bối cảnh đặc thù lịch sử - xã hội của vùng đất Sa Đéc, mặt khác đã chịu tác động của văn hóa Việt, văn hóa Khmer để tiến tới hiện tượng tích hợp đa văn hóa.

*Hai là, tính bao dung - mở thoáng*, theo Trần Ngọc Thêm [36]:

"Tính bao dung là phẩm chất của con người biết dung nạp những gì khác mình, có lòng vị tha để bỏ qua và châm chước các lỗi lầm của người khác, với cái nhìn thông thoáng và tấm lòng rộng mở trong mối quan hệ giữa con người với con người, con người với xã hội, con người với thế giới tự nhiên"; "tính mở thoáng là thái độ không bảo thủ, ủng hộ cái mới, khả năng tiếp nhận cái mới (nhưng không đánh mất đi cái bản sắc của mình). Tư duy mở thoáng không có chỗ cho sự bảo thủ, trì trệ. Chính nhờ cách nghĩ mở thoáng mà người ta dễ nhận ra tính ưu việt của cái mới và ngược lại" [tr.736,794].

Những giá trị văn hóa tinh thần truyền thống của con người Việt Nam vốn mang đậm tính tổng

hợp và tinh thần bao dung vừa được thừa hưởng truyền thống dân tộc từ xa xưa, vừa được bồi đắp trong bối cảnh tự nhiên và đặc thù lịch sử xã hội, song mức độ bao dung giữa các địa phương thì có phần đậm nhạt khác nhau. Trải qua quá trình cộng cư hơn ba trăm năm trên vùng đất Sa Đéc, các tộc người ở đây đã tôn kính và thờ phụng một cách không phân biệt nguồn gốc xuất thân và quyền năng của các nữ thần đã làm cho tín ngưỡng nữ thần ở Sa Đéc trở nên phong phú và đa dạng.

Biểu hiện tính bao dung, mở thoáng của người dân không chỉ dung nạp sự đa dạng về thành phần tộc người trong xã hội, mà còn thể hiện ở việc dung nạp sự đa dạng về văn hóa, điển hình là sự chấp nhận một cách nhẹ nhàng, sự chuyển hóa một cách mượt mà các vị nữ thần du nhập trở thành những vị thần được đông đảo cư dân Sa Đéc chấp nhận thờ cúng. Sự chuyển biến từ nữ thần phù trợ cho người đi biển của người Hoa thành thần độ mạng cho phái nữ hoặc phúc thần của người Việt bởi vì khi người Việt tiếp nhận hình tượng bà Thiên Hậu cũng là lúc họ bắt đầu quá trình Việt hóa vị thánh mẫu này của người Hoa dưới các dạng cấu trúc mới để tiếp nhận. Khi chuyển hóa từ nguồn gốc văn hóa Hoa sang văn hóa Việt thì dường như chức năng hải thần của Thiên Hậu cũng chuyển thành chức năng phúc thần đối với người Việt. Song hành cùng quá trình ấy cũng là sự chuyển đổi hoàn toàn từ vị thế Thiên Hậu là nhân thần của người Hoa sang vị thế nhiên thần của người Việt vì trong tâm thức của người Việt ở Sa Đéc, bà Thiên Hậu là vị nữ thần của người Hoa, ban phúc lành cho người Hoa làm ăn thành đạt, thịnh vượng nên người Việt cũng vì vậy mà tín ngưỡng theo mặc dù chưa biết rõ về nguồn gốc xuất thân và chức năng của bà Thiên Hậu [5, tr.297]. Đồng thời, sự kết hợp từ các vị nhiên thần cổ sơ của người Việt (phương Nam) với quan niệm về ngũ hành của người Hoa (phương Bắc) đến hình thành tín ngưỡng Ngũ Hành. Bên cạnh đó, tín ngưỡng Cổ Hỷ có nguồn gốc từ nữ thần Devi trong văn hóa Ấn Độ, kết hợp và chuyển hóa với nữ thần Mẹ xứ sở Po Inư Nagar của người Chăm và Thánh Anh La Sát (hay La Sát Thượng Động), đây là sự chuyển hóa từ tín ngưỡng Chúa Xứ biến thể, kết hợp với tín ngưỡng Mẹ xứ sở của người Chăm và

tín ngưỡng Neak Tà của người Khmer đã chứng minh cho tính bao dung và mở thoáng trong giao lưu, tiếp biến văn hóa của các tộc người sinh sống tại vùng đất Sa Đéc này.

Chính vì, các tộc người đã tôn kính và thờ phụng một cách bao dung, mở thoáng, không phân biệt đó là nữ thần của tộc người nào, đối với tín đồ không phân biệt người già hay trẻ nhỏ, sang hay hèn, nam hay nữ, mới hay cũ, lạ hay quen đến vía các nữ thần đều có chung một niềm đức tin mong muốn nhận được sự ban phúc lành của các nữ thần và thỏa mãn nhu cầu tâm linh, từ đó đã tạo nên một bức tranh tín ngưỡng nữ thần phong phú, đa dạng về thể loại, đa màu sắc về giá trị như những lời chia sẻ của Ban Tế tự và cộng đồng tín ngưỡng ở các cơ sở thờ bà khi tác giả “nhập thân văn hóa” để thực hiện phỏng vấn sâu. Đối với tín ngưỡng Thiên Hậu, ông L.Q.C thành viên Ban Tế tự Thất Phủ Thiên Hậu Cung, Sa Đéc cho biết: “Vào mỗi dịp tổ chức lễ vía bà Thiên Hậu thì người Hoa ở đây ai ai cũng đều sắp xếp thời gian đến vía Bà và phụ tiếp Ban Tế tự trong việc tổ chức lễ vía và tiếp khách. Bên cạnh đó, cũng có sự tham gia của rất nhiều người dân ở xung quanh đây mặc dù họ không phải người Hoa nhưng mỗi khi tổ chức lễ thì mọi người lại náo nức, vui tươi, tất cả người dân cả Việt lẫn Hoa đều cùng nhau chăm lo cho buổi lễ, ngoài việc đến vía Bà để cầu nguyện phúc lành thì bà con còn thăm hỏi và nói chuyện với nhau mà không ai phân biệt là thuộc tộc người nào và ở đâu đến. Vì vậy mà năm nào tổ chức lễ vía Bà thì Ban Tế tự cũng đều có chuẩn bị khoảng trên dưới 20 bàn cơm chay dành để tiếp khách hành hương ở xa, các thành viên của Ban Tế tự ở đình, chùa, miếu khác đến vía và bà con trong vùng này, bên cạnh đó cũng dành ra khoảng 20 bàn cơm cho Ban Tổ chức”. Và khi tác giả tìm hỏi một số người dân đến vía bà thì dường như đều nhận được câu trả lời giống nhau, đại ý như lời của cô Bảy Cúc và chị Thảo cho biết: “Nhà tôi làm ăn buôn bán cách đây khoảng hơn hai chục cây số nhưng năm nào đến dịp lễ vía Bà thì tôi và con gái của tôi cũng đến đây để cúng vía Bà để cầu bình an cho gia đình và mong Bà phù hộ việc buôn bán được phát tài”, và chị Thảo nói tiếp “Còn chị thì đến đây trước là cúng vía Bà và sau là cầu mong Bà phù hộ cho gia đình

được khỏe mạnh, việc làm ăn của gia đình được thuận lợi, và cũng cầu mong Bà ban phúc lành cho bản thân và ông xã của mình” (Tài liệu điền dã 2017). Tương tự như vậy, trường hợp một kì lễ vía bà Ngũ Hành ở Phường Tân Quy Đông, Sa Đéc mà tác giả được trực tiếp tham gia và được nghe ông N.V.L, Trưởng Ban Quản lí Miếu Bà chia sẻ: “Con thấy đó, mỗi khi tổ chức cúng Bà như thế này rất là vui và rộn ràng cả xóm vì Bà được người dân ở đây tin tưởng lắm, khoảng hai trăm người là thường xuyên túc trực để phục vụ bà con và trên dưới vài trăm lượt khách vắng lai đến thấp nhang. Mọi người dân ở đây, trai gái, già trẻ, lớn nhỏ, làm ăn trên bờ hay làm ăn trên ghe và xà lan, không phân biệt giàu nghèo gì cả, tất cả mọi người đều đến thấp nhang cho Bà, cầu mong Bà ban phúc đức cho bản thân và gia đình. Đặc biệt, năm nay tổ chức lễ vía Bà ngay dịp gia đình kia sống ở nước ngoài mới về nước cũng dắt theo chàng rể nước ngoài đến thấp nhang cho Bà” (Tài liệu điền dã 2018).

Như vậy, có thể thấy nét độc đáo của loại hình tín ngưỡng nữ thần ở Sa Đéc chính là sự hội tụ, ngưng đọng của nhiều dòng văn hóa, nhiều nét đẹp văn hóa và kết tinh những hương vị riêng của các tộc người tạo nên một bức tranh tín ngưỡng nữ thần phong phú, đa dạng về thể loại, đa màu sắc về giá trị. Bên cạnh đó, ta còn tìm thấy trong văn hóa tín ngưỡng nữ thần ở Sa Đéc nhiều giá trị truyền thống của dân tộc về giá trị đạo đức nhân văn, giá trị nhân sinh quan sâu sắc, đó là quan niệm “có thờ có thiêng, có kiêng có lành; ở hiền gặp lành; nghiệp báo - luân hồi; gieo nhân lành gặt quả lành; uống nước nhớ nguồn; ăn quả nhớ kẻ trồng cây; tâm thức hướng về cội nguồn tôn vinh những người có công với dân với nước”. Đó là truyền thống đề cao vai trò của người phụ nữ, người mẹ đã trở thành biểu tượng của dân tộc Việt mà nhân dân ta đã thần thánh hóa để trở thành nữ thần - mẫu thần. Vị trí của người phụ nữ luôn được đề cao như câu tương truyền “mồ cô cha ăn cơm với cá, mồ cô má liếm lá đầu đường”. Mặt khác người Việt luôn tâm niệm rằng con cái được hưởng phúc đức từ người Mẹ nên có câu “phúc đức tại mẫu”. Vì vậy, tín ngưỡng nữ thần đã góp phần vào việc giáo dục lòng hướng thiện cho con người, hướng con người vươn tới những giá trị chân - thiện - mỹ, nhắc nhở thế

hệ trẻ hướng về cội nguồn “một lòng thờ mẹ kính cha, cho tròn chữ hiếu mới là đạo con”, và từ truyền thống đó nhân lên thành tình yêu quê hương đất nước. Những giá trị văn hóa của tín ngưỡng nữ thần góp phần xây dựng nét đẹp đặc trưng trong kho tàng văn hóa dân gian của xứ sở Sa Đéc, phát huy những giá trị tích cực góp phần xây dựng đời sống văn hóa của người dân trong cộng đồng và trong bản thân của tín ngưỡng nữ thần ở Sa Đéc.

## V. KẾT LUẬN

Bà Chúa Xứ, Bà Ngũ Hành, Bà Thiên Hậu, Bà Cố Hỷ là các nữ thần được thờ phổ biến trong hệ thống tín ngưỡng dân gian ở vùng đất Sa Đéc. Bên cạnh đó, còn một số nữ thần khác cũng được tôn thờ như: Diêu Trì Kim Mẫu, Cửu Thiên Huyền Nữ, Kim Hoa Nương Nương, Quan Âm Bồ tát. Hệ thống 48 cơ sở tín ngưỡng nữ thần được người dân gọi là miếu thờ/cung thờ bà đã góp phần tạo nên sự phong phú trong hệ thống tín ngưỡng dân gian ở Sa Đéc. Những miếu thờ nữ thần thường có quy mô nhỏ gọn, được xây cất ven đường, ven sông, bên cạnh hoặc phía trước đình, chùa. Tuy nhiên, cũng có những nơi thờ nữ thần có quy mô khá lớn như Thiên Hậu Thất Phủ Cung. Tính chất của các nữ thần ở Sa Đéc bao gồm nhiên thần, nhân thần, và cả Quan Âm Bồ tát trong Phật giáo, Phật Mẫu Diêu Trì trong Cao Đài cũng được người dân nơi đây xem như những vị thần gần gũi trong đời sống tâm linh của mình. Chức năng của các vị nữ thần cũng khá đa dạng trong hệ thống tín ngưỡng dân gian địa phương, các vị nữ thần đảm nhận nhiều nhiệm vụ trong sinh hoạt tâm linh của cộng đồng xã hội cho đến yếu tố hạt nhân là gia đình từ việc sanh đẻ, nuôi dưỡng con cái đến việc lao động sản xuất, chăm lo cái ăn, bảo trợ nghề nghiệp, cai quản đất đai và không gian vũ trụ.

Vùng đất Sa Đéc được cư dân các tộc người Việt, Hoa, Khmer đến đây khai hoang, cư trú và làm ăn từ khá sớm góp phần làm cho nơi đây trở thành một vùng thị tứ giao thương buôn bán nhộn nhịp, phần hoa của Nam Bộ. Tín ngưỡng nữ thần ở Sa Đéc - Đồng Tháp cùng với tín ngưỡng nữ thần ở các tỉnh, thành khác ở vùng Nam Bộ là kết quả thể hiện sự bảo tồn văn hóa truyền thống của cư dân các tộc người ở đây. Đồng thời, đó cũng

là kết quả của quá trình giao lưu - tiếp biến văn hóa giữa các tộc người Việt, Hoa, Khmer trên cơ sở cộng cư với lối sống chan hòa, san sẻ, bao dung để hình thành nên những yếu tố mới trong sinh hoạt tâm linh, phù hợp với đặc điểm của vùng đất Sa Đéc. Trong đó, giá trị tín ngưỡng Thiên Hậu, tín ngưỡng Chúa Xứ và tín ngưỡng Ngũ Hành đã trở thành bản sắc văn hóa của cả cộng đồng được nhiều tộc người khác nhau cùng thờ phụng, cúng bái và gửi gắm ước nguyện./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ngô Đức Thịnh. *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội; 2001.
- [2] Malinowski B. *Magic, Science and Religion*. In: Dương Bích Hạnh, Đức Hạnh Hiệu Đỉnh, editors. *Magic, Science and Religion and other Essays*. Garden City, N.Y.: Doubleday Anchor; 1954. p. 17–92.
- [3] Nguyễn Đăng Duy. *Văn hóa tâm linh*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Hà Nội; 1997.
- [4] Ngô Đức Thịnh. *Tín ngưỡng trong sinh hoạt văn hóa dân gian*. TP. Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Thời đại; 2012.
- [5] Nguyễn Ngọc Thơ. *Tín ngưỡng Thiên Hậu vùng Tây Nam Bộ*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật; 2017.
- [6] Ngô Đức Thịnh. *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Trẻ; 2012.
- [7] Ngô Đức Thịnh. *Đạo Mẫu ở Việt Nam*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Thời đại; 2012.
- [8] Ngô Đức Thịnh. *Đạo Mẫu Tam Phủ, Tứ Phủ*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Dân trí; 2014.
- [9] Nguyễn Minh San. *Lễ hội về nữ thần của người Việt*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Văn hóa Dân tộc; 2011.
- [10] Sơn Nam. *Đình miếu và Lễ hội dân gian miền Nam*. TP. Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Trẻ; 2015.
- [11] Phan An. Tích hợp và dung hợp trong tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt Nam Bộ. Trong: *Tín ngưỡng thờ mẫu ở Nam Bộ - Bản sắc và giá trị*. TP. Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh; 2016. tr.13-16.
- [12] Nguyễn Hữu Hiếu. *Tìm văn hóa tâm linh Nam Bộ*. TP. Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Trẻ; 2004.
- [13] Nguyễn Thanh Lợi. Tín ngưỡng thờ nữ thần ở Bà Rịa - Vũng Tàu. *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*. 2007;1(60):34–42.
- [14] Phan Thị Yến Tuyết. Tín ngưỡng thờ mẫu và nữ thần từ chiều kích văn hóa biển của vùng biển đảo Kiên Hải, Kiên Giang. *Tạp chí Khoa học xã hội*. 2010;5(141):61–69.
- [15] Nguyễn Ngọc Thơ. Tín ngưỡng tôn giáo ở Thoại Sơn, An Giang. *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ*. 2015;4(16):77–97.

- [16] Nguyễn Ngọc Thơ. Dấu tích tục thờ Tam Phủ trong tín ngưỡng Thiên Hậu của người Việt vùng Tây Nam Bộ. *Tạp chí Văn hóa Dân gian*. 2015;6:24–34.
- [17] Nguyễn Văn Trung. *Hồ sơ Lục Châu học*. TP. Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Trẻ; 2015.
- [18] Imprimerie L Menard. *Monographie de la province de Sa-Dec*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội; 1903. Sài Gòn: Publications de la société des études Indo-Chinoises : Géographie physique, économique et historique de la Cochinchine VIIIe fascicul.
- [19] Jean Koffler. *Description historique de la Cochinchine*. Revue Indochinoise 15; 1911.
- [20] Léopold Cadière. *Văn hóa, tín ngưỡng và thực hành tôn giáo người Việt*. Nhà Xuất bản Thuận Hóa; 2015.
- [21] Louvet L. *La Cochinchine religieuse*. Paris; 1858.
- [22] Trịnh Hoài Đức. *Gia Định thành thông chí*. Lý Việt Dũng, Tới HV, editors. Đồng Nai: Nhà Xuất bản Tổng hợp Đồng Nai; 2004.
- [23] Tạ Chí Đại Trường. *Thần Người và đất Việt*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Văn hóa Thông tin; 2006.
- [24] Huỳnh Lứa. *Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ*. TP. Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản TP. Hồ Chí Minh; 1987.
- [25] Sơn Nam. *Lịch sử khẩn hoang Miền Nam*. TP. Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Văn Nghệ; 1994.
- [26] Sơn Nam. *Văn minh miệt vườn*. TP. Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Văn hóa; 1992.
- [27] Nguyễn Công Bình, Lê Xuân Diễm, Mạc Đường. *Văn hóa và cư dân đồng bằng sông Cửu Long*. TP. Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội; 1990.
- [28] Thạch Phương, Hồ Lê, Huỳnh Lứa, Vinh"" NQ. *Văn hóa dân gian người Việt ở Nam Bộ*. TP. Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội; 1992.
- [29] Huỳnh Minh. *Sa Đéc xưa và nay*. Sài Gòn: Nhà Xuất bản Cánh Bàng; 1971.
- [30] Nguyễn Hữu Hiếu, Ngô Xuân Tư, Lê Đức Hòa, Nguyễn Đắc Hiền. *Đồng Tháp 300 năm*. TP. Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Trẻ; 2004.
- [31] Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Tháp. *Địa chí tỉnh Đồng Tháp*. TP. Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Trẻ; 2014.
- [32] Trần Đức Cường. *Lịch sử hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ (từ khởi thủy đến năm 1945)*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội; 2014.
- [33] Nguyễn Thế Anh. Thiên Y A Na hay sự tiếp nhận Bà Chúa Chấm Pô Nagar của vương triều Nho giáo Việt Nam. *Tạp chí Xưa & Nay*. 2001;98:28–31.
- [34] Nguyễn Hữu Hiếu. *Tục thờ bà Chúa Xứ - Ngũ Hành và nghi lễ bóng rối Nam Bộ*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Mỹ thuật; 2017.
- [35] Henri Maspero. *Đạo giáo và các tôn giáo Trung Quốc*. Lê Diên, editor. Hà Nội: Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội; 2000.
- [36] Trần Ngọc Thêm. *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ*. TP. Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Văn hóa - Văn nghệ; 2013.